

# CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

• TS. Hà Văn Luyến\*

**Tóm tắt:** Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian qua, Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu trong công tác bình đẳng giới, tuy nhiên, vai trò của phụ nữ vẫn bị hạn chế bởi ba nhóm yếu tố: (1) bất cập trong pháp luật và cơ chế thực thi; (2) rào cản từ định kiến giới trong văn hóa - xã hội; và (3) năng lực pháp lý cùng các rào cản tâm lý từ chính phụ nữ. Bài viết tập trung phân tích các yếu tố tác động và đề xuất giải pháp đột phá nhằm phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người tại Việt Nam, nhấn mạnh việc hoàn thiện pháp luật, nâng cao năng lực pháp lý, thúc đẩy văn hóa bình đẳng và thí điểm các biện pháp “hành động khẳng định” để tạo ra sự thay đổi thực chất.

**Từ khóa:** Bình đẳng giới; phụ nữ; quyền con người.

**Abstract:** Research findings have shown that although Vietnam has recently achieved many achievements related to gender equality work, the role of women is still restricted due to three groups of factors: (1) inadequacies in laws and enforcement mechanisms; (2) barriers from gender stereotypes in culture and society; and (3) legal capacity and psychological barriers from women themselves. The article focuses on analyzing the influencing factors and proposing breakthrough solutions to promote the role of women in ensuring human rights in Vietnam, emphasizing the improvement of laws, increasing legal capacity, promoting a culture of equality and piloting "affirmative action" measures to create substantive changes.

**Keywords:** Gender equality; women; human rights.

Ngày nhận: 14/7/2025      Ngày phản biện, đánh giá: 25/7/2025      Ngày duyệt: 06/8/2025

## Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và hội nhập quốc tế, quyền con người ngày càng được xác định là giá trị cốt lõi, là mục tiêu và động lực của sự phát triển bền vững. Phụ nữ không chỉ là đối tượng thụ hưởng các

quyền con người mà còn là chủ thể quyền con người tích cực, đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng, thực thi, giám sát chính sách và pháp luật về quyền con người. Thực tiễn cho thấy, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thúc đẩy bình đẳng giới, được cộng đồng quốc tế ghi nhận. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của

(\*) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Email: havanluyen@gmail.com.



phụ nữ trong xã hội vẫn còn đối mặt với những rào cản đa chiều. Trên cơ sở đó, cần xây dựng hệ thống các giải pháp mang tính đột phá nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

### **1. Cơ sở pháp lý về vai trò chủ thể của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam**

Việt Nam là một trong những quốc gia sớm thể hiện cam kết mạnh mẽ với quốc tế về quyền của phụ nữ khi phê chuẩn Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) ngay từ năm 1982, đánh dấu một cột mốc mang tính chính trị - pháp lý có ý nghĩa nền tảng. Điều 3 Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp “để bảo đảm sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ, nhằm mục đích bảo đảm cho họ được thực hiện cũng như thụ hưởng các quyền con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới”<sup>1</sup>. Đặc biệt, Điều 7 nhấn mạnh quyền tham gia vào đời sống chính trị, yêu cầu các quốc gia bảo đảm phụ nữ có quyền bầu cử, ứng cử, tham gia hoạch định chính sách và giữ các chức vụ trong bộ máy nhà nước. Quan trọng hơn, Điều 4 cho phép áp dụng “các biện pháp đặc biệt tạm thời” nhằm thúc đẩy bình đẳng trên thực tế. Đây chính là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng để Việt Nam có cơ sở cụ thể hóa các chính sách ưu tiên với phụ nữ trong hệ thống pháp luật của mình. Cùng với đó, việc cam kết thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs), trong đó có mục tiêu về bình đẳng giới, đã đặt ra một lộ trình cụ thể với các

chỉ số đo lường rõ ràng, tạo ra áp lực tích cực và cơ chế giám sát từ cộng đồng quốc tế, thúc đẩy Việt Nam phải liên tục hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Từ hệ thống pháp luật trong nước cho thấy, quá trình nội luật hóa các cam kết quốc tế đã được Việt Nam tiến hành mạnh mẽ, tạo hành lang pháp lý ngày càng đồng bộ cho việc phát huy vai trò của phụ nữ nói chung và trong bảo đảm quyền con người nói riêng. Điều 26 Hiến pháp năm 2013 khẳng định nguyên tắc “công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt” và trách nhiệm của Nhà nước trong việc “bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới”. Luật Bình đẳng giới năm 2006 là văn bản luật chuyên ngành đã pháp điển hóa các khái niệm trừu tượng thành các phạm trù pháp lý cụ thể. Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 (sửa đổi năm 2022) và các quy định nghiêm khắc trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017) đối với các tội xâm phạm quyền của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ có thai và trẻ em, đã tạo ra những chế tài mạnh để bảo vệ phụ nữ khỏi bạo lực và các hình thức xâm hại, bảo đảm quyền được sống trong môi trường an toàn. Các luật chuyên ngành khác như: Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sửa đổi năm 2025)... đều có những quy định cụ thể nhằm bảo vệ và thúc đẩy quyền của phụ nữ, thể hiện rõ nguyên tắc kép “bình đẳng và ưu tiên”.

Trên cơ sở khung khổ pháp lý tiến bộ, vai trò chủ thể của phụ nữ đã được thể hiện ngày càng rõ nét và đa dạng trong thực tiễn.



Phụ nữ không chỉ là người thụ hưởng các chính sách mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình hoạch định, thực thi, giám sát và đánh giá chính sách. Thực tiễn phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam được thể hiện ở một số khía cạnh như sau:

*Thứ nhất, phụ nữ là chủ thể tích cực trong quá trình xây dựng và hoạch định chính sách, pháp luật.* Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Việt Nam tiếp tục ở nhóm cao trên thế giới. Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (2021-2026), tỷ lệ này đạt 30,26%<sup>2</sup>, lần đầu tiên vượt ngưỡng 30% kể từ Quốc hội khóa VI. Chỉ số bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 xếp thứ 72/146 quốc gia, tăng 11 bậc so với năm 2022<sup>3</sup>. Dấu ấn của các nữ lãnh đạo ngày càng rõ nét ở các vị trí chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã bầu 19 đồng chí nữ vào Ban Chấp hành Trung ương (chiếm 9,5%). Đặc biệt, Việt Nam đã có nữ Chủ tịch Quốc hội đầu tiên (nhiệm kỳ 2016-2021)<sup>4</sup> và nhiều nữ lãnh đạo đảm nhiệm các cương vị quan trọng trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Phó Chủ tịch nước và các bộ, ngành.

Những kết quả trên là minh chứng thuyết phục cho sự tiến bộ vượt bậc về vai trò và vị thế của phụ nữ ở Việt Nam. Phụ nữ không còn chỉ là đối tượng thụ hưởng chính sách mà đã thực sự trở thành những chủ thể tích cực, tham gia trực tiếp vào quá trình hoạch định và giám sát thực thi chính sách. Chính sự tham gia này đã góp phần đưa tiếng nói của giới nữ vào các quyết sách quan trọng của đất nước, bảo đảm bình đẳng

giới, từ đó bảo đảm các quyền con người được thực thi một cách toàn diện và hiệu quả hơn.

*Thứ hai, phụ nữ là chủ thể năng động trong hoạt động kinh tế, tạo ra nền tảng vật chất cho việc thực thi quyền con người.* Theo UN Women (Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ), Việt Nam là một trong những quốc gia có tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động cao nhất khu vực và thế giới, đạt 70,9%<sup>5</sup>. Đáng chú ý, vai trò của phụ nữ không chỉ là một lực lượng lao động mà còn thể hiện mạnh mẽ ở vai trò lãnh đạo, quản lý. Theo Tổng điều tra kinh tế năm 2021, tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp và hợp tác xã đạt 28,2%<sup>6</sup>. Sự tham gia này được hỗ trợ tích cực bởi các chính sách của Chính phủ, điển hình như “Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025” (Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 10/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ), góp phần thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và năng lực kinh tế của phụ nữ.

*Thứ ba, phụ nữ là chủ thể nòng cốt trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội.* Hệ thống pháp luật Việt Nam công nhận vai trò giám sát và phản biện xã hội của các tổ chức chính trị-xã hội, trong đó có Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Với mạng lưới rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở, Hội đóng vai trò là “cánh tay nối dài” tích cực giúp các cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng pháp luật. Cụ thể như, khi Bộ Tư pháp lấy ý kiến về dự thảo Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đã tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, lấy ý kiến từ các chi hội phụ nữ ở



khắp các vùng miền, tổng hợp những vướng mắc thực tiễn (như: vấn đề mang thai hộ, tài sản của cặp đôi sống chung không đăng ký kết hôn...) để kiến nghị với ban soạn thảo. Đây chính là hoạt động thực thi quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, giúp mỗi người phụ nữ đều có thể góp tiếng nói và trở thành những người giám sát chính sách một cách hiệu quả.

*Thứ tư, phụ nữ là chủ thể tiên phong trong việc bảo vệ các nhóm yếu thế ở cấp cơ sở.* Thông qua các mô hình cộng đồng hiệu quả như “Ngôi nhà bình yên”, câu lạc bộ hỗ trợ kinh tế hay tổ hòa giải, phụ nữ đã trực tiếp tham gia vào việc thực thi và giám sát quyền con người, đặc biệt là đối với nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Bằng cách chủ động phát hiện các vụ việc bạo lực gia đình, tư vấn pháp lý ban đầu cho nạn nhân và xây dựng mạng lưới an toàn cho phụ nữ, từ đó góp phần “hiện thực hóa” các quy định pháp luật trong thực tiễn. Hay nói một cách khác, phụ nữ đang thực hiện vai trò chủ thể bảo vệ quyền con người tại cộng đồng, góp phần “lấp” những “khoảng trống” mà các cơ quan nhà nước đôi khi chưa thể bao quát hết.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, vai trò chủ thể của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Trong lĩnh vực chính trị, vẫn tồn tại những cách biệt nhất định so với nam giới, khi tỷ lệ nữ ở các vị trí lãnh đạo cấp chiến lược trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị nhà nước còn thấp. Khoảng cách thu nhập giữa nam và nữ vẫn có sự chênh lệch lớn và gánh nặng “công việc

chăm sóc không được trả lương” vẫn là một rào cản vô hình với phụ nữ. Đây chính là biểu hiện của khoảng cách giữa bình đẳng theo quy định của pháp luật và bình đẳng trong thực tiễn cuộc sống, một thách thức lớn mà hệ thống pháp luật cần tiếp tục hoàn thiện và nỗ lực giải quyết.

## **2. Các yếu tố tác động đến việc phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam**

### *a) Yếu tố pháp lý*

*Thứ nhất, quy trình lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật còn mang nặng tính hình thức, chưa có tính ứng dụng trong thực tiễn.* Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã chính thức đưa việc lồng ghép giới thành một yêu cầu bắt buộc trong quy trình lập pháp. Về mặt lý thuyết, đây là một công cụ pháp lý tiên bộ, đòi hỏi các nhà làm luật phải thực hiện phân tích tác động giới trước khi ban hành một chính sách. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều báo cáo đánh giá tác động giới chỉ dừng lại ở mức độ mô tả chung chung, thiếu các dữ liệu định lượng và phân tích khoa học, thuyết phục. Chẳng hạn, khi xây dựng một chính sách về hỗ trợ tín dụng cho nông nghiệp, báo cáo lồng ghép giới có thể chỉ kết luận rằng “chính sách áp dụng cho cả nam và nữ”. Trong khi đó, khi phân tích thấu đáo sẽ chỉ ra rằng, do tập quán ở nhiều vùng nông thôn, “sổ đỏ” thường chỉ đứng tên người chồng, nên phụ nữ sẽ gặp rào cản pháp lý trong việc tiếp cận khoản vay vì không có tài sản thế chấp... Do chưa chú trọng đúng mức đến quy trình này dẫn đến tình trạng



ban hành các văn bản pháp luật “trung tính về giới” nhưng lại vô tình bỏ qua bình đẳng giới hoặc làm tăng thêm tình trạng bất bình đẳng giới trong thực tiễn.

*Thứ hai, tồn tại của các “khoảng trống pháp lý” trong việc xử lý các hình thức xâm phạm quyền phụ nữ trong bối cảnh mới.* Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự bùng nổ của không gian mạng đã làm phát sinh các hình thức bạo lực trên cơ sở giới tính vi và phức tạp hơn, như: quấy rối trực tuyến, phát tán hình ảnh, thông tin cá nhân để trả thù, sử dụng công nghệ deepfake để bôi nhọ nhân phẩm... Khung pháp lý hiện hành, bao gồm cả Bộ luật Hình sự, Luật An ninh mạng,... còn những độ trễ nhất định, chưa theo kịp thực tiễn. Đối với các hành vi như: quấy rối trực tuyến, chia sẻ trái phép thông tin về phụ nữ... còn gặp nhiều khó khăn trong xử lý do còn thiếu các quy định cụ thể và chế tài chưa đủ sức răn đe. Khoảng trống pháp lý này tạo ra một “vùng xám”, nơi kẻ vi phạm có thể hành động mà không bị trừng phạt, khiến phụ nữ trở nên dễ bị tổn thương và mất an toàn ngay cả trong không gian số, vi phạm trực tiếp quyền được bảo vệ về danh dự, nhân phẩm được Hiến pháp ghi nhận.

*Thứ ba, cơ chế thực thi và giám sát pháp luật chưa đạt hiệu quả cao.* Đây là điểm nghẽn khiến cho các quy định pháp luật dù tiến bộ chưa đi sâu vào cuộc sống. Cụ thể như, chính sách hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức mang theo con dưới 36 tháng tuổi khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, được quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Bình đẳng giới năm 2006. Đây là một

quy định mang tính nhân văn, nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ vừa phát triển sự nghiệp, vừa thực hiện thiên chức làm mẹ. Tuy nhiên, sau gần hai thập kỷ, quy định này gần như không được áp dụng trên thực tế vì thiếu các văn bản dưới luật hướng dẫn chi tiết về cơ chế tài chính, quy trình thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan liên quan. Về mặt pháp lý, đây là một “quyền treo”, một quyền được luật pháp ghi nhận nhưng không có cơ chế để thực thi. Bên cạnh đó, các chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, đặc biệt là các hành vi phân biệt đối xử trong tuyển dụng, bổ nhiệm, thường chỉ dừng lại ở mức phạt hành chính với số tiền không lớn, chưa đủ sức răn đe các doanh nghiệp, tổ chức. Hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội về bình đẳng giới, về quyền con người được tiến hành song kết quả giám sát và các kiến nghị thường thiếu tính ràng buộc pháp lý, khiến cho việc khắc phục vi phạm không được thực hiện triệt để.

#### *b) Yếu tố văn hóa - xã hội*

Pháp luật là một công cụ mạnh mẽ để điều chỉnh xã hội nhưng hiệu lực thực thi trên thực tế luôn bị giới hạn bởi các chuẩn mực văn hóa và tập quán xã hội. Tại Việt Nam, định kiến giới với các quan niệm như “trọng nam khinh nữ”, “nam trưởng, nữ phó” hay khuôn mẫu “đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm” vẫn là một rào cản vô hình nhưng có tác động mạnh tới quyền của phụ nữ. Từ góc độ pháp lý, những định kiến này không chỉ ở tư duy lập pháp, mà còn trực tiếp cản trở việc thực thi pháp luật. Những quan niệm đó trong một số trường hợp là nguyên có để hợp lý



hóa và bình thường hóa “gánh nặng kép” đối với phụ nữ, khiến họ phải dành một lượng lớn thời gian và công sức cho các công việc chăm sóc gia đình không được trả lương, làm giảm đi các nguồn lực thiết yếu (thời gian, sức khỏe, cơ hội) để phụ nữ có thể thực hiện các quyền đã được pháp luật bảo đảm, như: quyền học tập, nâng cao trình độ, quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và quyền nghỉ ngơi.

*c) Yếu tố chủ quan - thuộc về bản thân người phụ nữ*

Pháp luật phát huy hiệu quả tối ưu khi bảo vệ những ai biết và có khả năng sử dụng nó. Do đó, các yếu tố chủ quan từ chính người phụ nữ cũng đóng vai trò quyết định trong quá trình thực thi quyền. Một bộ phận không nhỏ phụ nữ, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số, còn thiếu hụt năng lực pháp lý. Trong đó, phải kể đến sự thiếu hụt kiến thức về các quyền của mình, chưa biết đến sự tồn tại của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ pháp lý và thiếu kỹ năng cần thiết để khởi động một quy trình pháp lý nhằm bảo vệ bản thân. Chẳng hạn, một phụ nữ bị chồng bạo hành có thể không biết rằng mình có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định “cấm tiếp xúc” theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Sự thiếu hụt năng lực này khiến cho các quyền được ghi trong luật không được “kích hoạt” trong thực tế.

Bên cạnh đó, tác động lâu dài của định kiến giới đã tạo ra một rào cản tâm lý nội tại đối với phụ nữ như tự ti, an phận và ngại va chạm. Nhiều phụ nữ có năng lực nhưng không dám ứng cử vào các vị trí lãnh đạo vì

sợ bị đánh giá hoặc không dám tố cáo hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc vì sợ bị mất việc và áp lực đối diện với các định kiến. Rào cản tâm lý này khiến phụ nữ tự tước đi các cơ hội và quyền lợi hợp pháp của mình, vô hình trung làm suy yếu vai trò chủ thể và làm giảm hiệu quả của các chính sách pháp luật được ban hành để bảo vệ và trao quyền cho chính họ.

### **3. Giải pháp phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam hiện nay**

Để khắc phục khoảng cách giữa chính sách và thực thi việc phát huy vai trò chủ thể của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam đòi hỏi một hệ thống giải pháp mang tính đột phá.

*a) Hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực thi, thu hẹp khoảng cách giữa chính sách và cuộc sống*

Thứ nhất, nghiêm túc thực hiện quy trình lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật. Để thực hiện hiệu quả quy định lồng ghép giới quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), trong quá trình xây dựng các luật, cần đánh giá đúng vai trò của các báo cáo đánh giá tác động giới và coi đây là thành phần bắt buộc trong hồ sơ dự án luật, phải được thẩm định độc lập bởi một cơ quan có chuyên môn cao. Có thể nghiên cứu trao cho Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam hoặc Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam vai trò thẩm định hoặc có ý kiến phản biện mang tính ràng buộc đối với các báo cáo này. Cùng với đó, cần định kỳ tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống pháp



luật (từ Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai đến các luật chuyên ngành) dưới lăng kính giới để xác định và loại bỏ các quy định có yếu tố phân biệt đối xử gián tiếp.

*Thứ hai, cần chủ động lấp đầy các khoảng trống pháp lý để giải quyết các thách thức mới, đặc biệt là trong không gian số.* Sự phát triển của công nghệ đã tạo ra các hình thức bạo lực giới mới mà khung pháp lý hiện hành chưa dự liệu hết. Vì vậy, cần tiến hành nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế để xem xét hình sự hóa một số hành vi tấn công, quấy rối có hệ thống trên không gian mạng. Đồng thời, cần bổ sung các quy định pháp lý rõ ràng về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ nền tảng (Facebook, TikTok...) trong việc xây dựng cơ chế báo cáo vi phạm hiệu quả và nhanh chóng gỡ bỏ các nội dung bạo lực, xúc phạm phụ nữ, thay vì để trách nhiệm này hoàn toàn cho người dùng. Đồng thời, Chính phủ phải quyết liệt ban hành các văn bản dưới luật để “kích hoạt” các chính sách đã được quy định nhưng chưa thể thực thi. Nếu không, các quy định dù có tiến bộ, nhân văn đến đâu cũng chỉ mang giá trị biểu tượng mà không có giá trị thực tiễn.

*Thứ ba, cần bổ sung chế tài xử phạt và nâng cao hiệu quả của cơ chế giám sát phát hiện các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giới.* Các mức xử phạt hành chính đối với hành vi phân biệt đối xử trong lao động hoặc cản trở phụ nữ tham gia hoạt động chính trị phải được rà soát và nâng lên mức đủ sức răn đe, tương xứng với thiệt hại gây ra. Đối với các hành vi vi phạm nghiêm trọng, có hệ thống, cần bổ sung trách nhiệm

hình sự. Bên cạnh đó, nghiên cứu, xem xét trao thêm thẩm quyền pháp lý cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trên cơ sở tham khảo mô hình của một số quốc gia, có thể trao cho Hội quyền đề đại diện phụ nữ lên tiếng, khởi kiện để bảo vệ lợi ích của một nhóm phụ nữ bị xâm phạm hoặc quyền kiến nghị khởi tố trong các vụ án bạo lực gia đình nghiêm trọng. Cần nghiên cứu để đưa các kết luận giám sát của Hội thành văn bản có tính ràng buộc pháp lý, yêu cầu cơ quan bị giám sát phải có phản hồi và kế hoạch khắc phục bằng văn bản, từ đó nâng cao đáng kể vị thế và hiệu quả hoạt động của Hội, trực tiếp góp phần phát huy vai trò chủ thể giám sát của phụ nữ.

*b) Nâng cao năng lực pháp lý và hiệu quả của các thiết chế hỗ trợ*

Để nâng cao năng lực pháp lý cho phụ nữ, cần đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ hình thức tuyên truyền một chiều sang các chương trình đào tạo kỹ năng mang tính thực tiễn, dễ tiếp cận. Thay vì chỉ tập trung phổ biến về các điều luật, cần tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ năng cụ thể như: cách nhận diện một hợp đồng lao động có điều khoản bất lợi, cách thu thập chứng cứ khi bị quấy rối (lưu tin nhắn, ghi âm), quy trình gửi đơn khiếu nại, tố cáo và địa chỉ các cơ quan có thẩm quyền giải quyết... Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc trang bị kiến thức về an toàn thông tin, cách cài đặt bảo mật và kỹ năng tự bảo vệ trước các rủi ro trên không gian mạng là rất quan trọng.

Song song với đó, phải củng cố và mở rộng mạng lưới các thiết chế hỗ trợ pháp lý cho phụ nữ. Cần nâng cao chất lượng dịch



vụ của các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực, phụ nữ nghèo, người dân tộc thiểu số có thể tiếp cận dịch vụ một cách nhanh chóng và miễn phí. Nhà nước cần có chính sách đầu tư, hỗ trợ về mặt pháp lý và tài chính để nhân rộng các mô hình hiệu quả như “Ngôi nhà bình yên”, các đường dây nóng, bảo đảm đây không chỉ là nơi tạm lánh mà còn là địa chỉ cung cấp tư vấn pháp lý ban đầu. Đồng thời, cần có cơ chế khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là các tổ chức hành nghề luật sư trong việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí trong các vụ việc liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em, có thể thông qua các hình thức vinh danh, khen thưởng hoặc các ưu đãi khác.

*c) Thúc đẩy văn hóa bình đẳng giới song hành cùng cải cách pháp luật*

Các giải pháp mang tính pháp lý sẽ chỉ phát huy được hiệu quả khi được đặt trong một môi trường văn hóa - xã hội tiên bộ. Cải cách pháp luật phải đi đôi với nỗ lực thay đổi nhận thức và hành vi xã hội. Cần triển khai các chiến dịch truyền thông mạnh mẽ, có chiều sâu, không chỉ tôn vinh sự thành công của phụ nữ mà còn phải phá bỏ các khuôn mẫu giới truyền thống. Đặc biệt, các chiến dịch này phải nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của nam giới trong việc xây dựng một xã hội bình đẳng, đồng thời, khuyến khích phụ nữ chia sẻ công việc gia đình với nam giới và chủ động lên tiếng chống lại các hành vi phân biệt đối xử.

Công cụ mạnh mẽ nhất để thay đổi văn hóa là giáo dục. Việc lồng ghép giáo dục về bình đẳng giới và quyền con người một

cách bài bản, khoa học vào chương trình giáo dục phổ thông là một giải pháp mang tính căn cơ, dài hạn. Điều này sẽ giúp hình thành một thế hệ công dân mới với hệ giá trị tiên bộ, coi bình đẳng giới là một lẽ tự nhiên, từ đó giảm thiểu các vi phạm pháp luật ngay từ trong gốc rễ xã hội.

*d) Thí điểm áp dụng “hành động khẳng định” và học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người ở Việt Nam*

Để tạo ra sự thay đổi mang tính bước ngoặt và đầy nhanh quá trình đạt được bình đẳng thực chất, Việt Nam cần nghiên cứu và mạnh dạn thí điểm các biện pháp “hành động khẳng định”. Đây là những chính sách ưu tiên tạm thời, được pháp luật quốc tế công nhận tại Điều 4 của Công ước CEDAW. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy hiệu quả của biện pháp này đã phát huy hiệu quả ở một số quốc gia. Rwanda là một quốc gia điển hình thành công với việc hiến định phải bảo đảm ít nhất 30% vị trí trong các cơ quan ra quyết định phải dành cho phụ nữ, giúp nước này liên tục có tỷ lệ nữ nghị sĩ cao nhất thế giới<sup>7</sup>. Trong lĩnh vực kinh tế, Na Uy đã tiên phong áp dụng luật yêu cầu các công ty niêm yết phải có ít nhất 40% thành viên hội đồng quản trị là phụ nữ, tạo ra sự thay đổi sâu sắc trong văn hóa doanh nghiệp<sup>8</sup>.

Trong bối cảnh cụ thể, Việt Nam có thể xem xét đề xuất thí điểm một số cơ chế pháp lý đặc thù. Trong lĩnh vực chính trị, có thể thí điểm quy định một tỷ lệ “cứng” cho nữ giới tham gia Ban Thường vụ cấp ủy, cấp ủy các cấp hoặc các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân



dân ở một số địa phương được chọn. Trong lĩnh vực kinh tế, có thể ban hành quy định yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước và công ty niêm yết lớn phải đạt một tỷ lệ nhất định thành viên hội đồng quản trị là nữ theo một lộ trình cụ thể đến năm 2030. Dù có thể gây tranh luận, đây là những công cụ pháp lý hữu hiệu để phá vỡ “bức trần kính” vô hình, tạo ra một thể hệ nữ lãnh đạo mới và thúc đẩy sự thay đổi trong nhận thức xã hội.

### KẾT LUẬN

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát triển bền vững, việc phát huy vai trò của phụ nữ trong bảo đảm quyền con người không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là một chỉ số quan trọng phản ánh mức độ tiến bộ và nhân văn của xã hội. Thực tiễn Việt Nam cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự hoàn thiện không ngừng của hệ thống pháp luật, phụ nữ đã và đang khẳng định vai trò chủ thể tích cực trong nhiều lĩnh vực, đóng góp thiết thực vào việc thúc đẩy các giá trị bình đẳng, công bằng và quyền con người.

Tuy nhiên, để vai trò đó được phát huy một cách thực chất và bền vững, cần tiếp tục nhận diện đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng và triển khai đồng bộ các giải pháp mang tính đột phá. Đây không chỉ là nhiệm vụ riêng của các cơ quan nhà nước, mà đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội, đặc biệt là sự chủ động vươn lên của chính mỗi người phụ nữ. Có như vậy, vai trò của phụ nữ trong thực hiện quyền con người mới được bảo vệ và phát huy đầy đủ, công bằng và bền vững trong thực tiễn phát triển đất nước hiện nay./.

### Tài liệu trích dẫn

- (1) Liên hợp quốc (1979), “*Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*”; có hiệu lực từ ngày 3/9/1981.
- (2) “*Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XV là 30,26%*”; <https://hoilhpvn.org.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/ty-le-nu-%C4%91ai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv-la-30-26--38936-1.html>, truy cập ngày 15/6/2025.
- (3) Lê Sơn (2024), “*Chỉ số xếp hạng về bình đẳng giới của Việt Nam năm 2023 xếp thứ 72/146 quốc gia*”, <https://baochinhphu.vn/chi-so-xep-hang-ve-binh-dang-gioi-cua-viet-nam-nam-2023-xep-thu-72-146-quoc-gia-102240522113023926.htm>, truy cập ngày 15/6/2025.
- (4) Ngọc Thành (2016), “*Bà Nguyễn Thị Kim Ngân trở thành nữ Chủ tịch Quốc hội đầu tiên*”; <https://vov.vn/chinh-tri/quoc-hoi/ba-nguyen-thi-kim-ngan-tro-thanh-nu-chu-tich-quoc-hoi-dau-tien-495227.vov>, truy cập ngày 15/6/2025.
- (5) UN Women (2021), “*Tổng quan về Bình đẳng giới ở Việt Nam năm 2021*”; <https://vietnam.un.org>, truy cập ngày 15/6/2025.
- (6) Minh Trang (2024), “*Đem lại giá trị cho phụ nữ từ việc tham gia đổi mới sáng tạo*”, <https://www.vvu.vn>, truy cập ngày 15/6/2025.
- (7) Đạt Quốc (2023), “*Câu chuyện thần kỳ tại Rwanda*”, <https://daibieunhandan.vn/cau-chuyen-than-ky-tai-rwanda-10322327.html>, truy cập ngày 15/6/2025.
- (8) Nhu Thụy (2024), “*Na Uy trước “giờ G” của hạn ngạch 40% đại diện nữ trong hội đồng quản trị*”, <https://phunuvietnam.vn/na-uy-truoc-gio-g-cua-han-ngach-40-dai-dien-nu-trong-hoi-dong-quan-tri-20241227175944588.htm>, truy cập ngày 15/6/2025.